

Số: /SKHĐT-KGVX
V/v báo cáo kết quả thực hiện
Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của
Chính phủ về công tác dân tộc

Gia Lai, ngày tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai

Theo đề nghị tại văn bản số 421/BDT-CSĐT ngày 17/6/2021 của Ban Dân tộc tỉnh về việc kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc. Theo chức năng, nhiệm vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

1. Kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP

Nhận thức tầm quan trọng về công tác dân tộc trong thời kỳ đổi mới, đồng thời thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Gia Lai đã có Nghị quyết của từng cấp ủy Đảng và Hội đồng nhân dân về công tác dân tộc; UBND tỉnh đã phê duyệt nhiều chương trình, dự án đối với công tác dân tộc, ưu tiên nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, làng đặc biệt khó khăn, vùng có tỷ lệ nghèo cao, vùng thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân. Có sự phân cấp và sự phân công tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, từ các sở, ban ngành và các đoàn thể, từ đó các chương trình, dự án, nhất là các Chương trình MTQG, chương trình bố trí dân cư, Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ,... đã đi vào lòng dân và có hiệu quả.

1.1. Kết quả thực hiện chính sách đầu tư: trong giai đoạn 2016-2020, các chương trình, dự án được bố trí nguồn lực tập trung xây dựng đầu tư có trọng điểm kết cấu hạ tầng phát triển KT-XH ở các huyện nghèo, các xã ĐBKK, xã biên giới, các thôn, làng ĐBKK, vùng dân tộc thiểu số. Kết quả thực hiện như sau:

(1) Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 193/2006/QĐ-TTg (nay Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012): trong giai đoạn 2016-2021, tập trung hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng cần thiết, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ làm nhà, di chuyển, hỗ trợ phát triển sản xuất; Đã thực hiện sắp xếp ổn định lại dân cư cho trên 1.709 hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng thiên tai, dân di cư tự do chủ yếu ở các huyện Chư Prông, Chư Puh, Chư Sê, Mang Yang, Krông Pa, Phú Thiện và Ia Pa. Tổng kinh phí ước thực hiện trên 279 tỷ đồng, trong đó NSTW trên 131 tỷ đồng, còn lại ngân sách huyện gần 148 tỷ đồng.

(2) Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định 755/QĐ-TTg (nay Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ): Giai đoạn 2016-2018, tỉnh bố trí 34,1 tỷ đồng (ngân sách trung ương 15,1 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 19 tỷ đồng) không kể vốn vay từ NH CSXH 27,38 tỷ đồng hỗ trợ chăn nuôi cho 1.812 hộ; mua sắm nông cụ, máy móc 395 hộ; nước sinh hoạt phân tán 3.324 hộ; duy tu bảo dưỡng 223 công trình cho 12.062 hộ hưởng lợi. Năm 2020 tỉnh hỗ trợ hộ thiếu nước sinh hoạt tại 5 huyện (Kông Chro, Chư Prông, Ia Pa, Krông Pa và Mang Yang), kinh phí thực hiện 1.742 triệu đồng.

(3) Các Chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng nguồn lực huy động thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 hơn 20.120 tỷ đồng, trong đó: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 18.851 tỷ đồng (*NSTW 1.579,5 tỷ đồng; NSDP 2.335 tỷ đồng; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác 4.388 tỷ đồng; vốn tín dụng 8.472 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp 939 tỷ đồng; vốn cộng đồng dân cư đóng góp 1.135 tỷ đồng*) và Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là 1.268,958 tỷ đồng (*NSTW: 1.183,412 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 85,546 tỷ đồng; vốn huy động 18,453 tỷ đồng*). Kết quả thực hiện các chương trình như sau:

- Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 03 thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 88 xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 97 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn thuộc chương trình phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân. Đến nay 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn quy định; Từ 70% - 80% thôn, bản có đường trục giao thông được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; 90% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 97,3% trạm y tế cấp xã đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; 50,13% trường đạt chuẩn quốc gia, 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân, chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chuyển biến tích cực; trên 94% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

1.2. Công tác quản lý và sử dụng nguồn lực: Đối với các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư hạ tầng của các chương trình, dự án được bố trí kịp thời, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Một số chương trình, dự án thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình đầu tư CSHT, phát triển sản xuất, đảm bảo an sinh xã hội ở từng xã điểm thực hiện chính dân tộc trên địa bàn tỉnh. Các công trình đầu tư cơ bản đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân trên

địa bàn triển khai chương trình, dự án, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng của địa phương.

2. Đánh giá kết quả thực hiện

Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành và các cấp uỷ chính quyền địa phương tổ chức thực hiện tốt chương trình; các chương trình, dự án thực hiện đạt được hiệu quả cao về kinh tế lẫn ý nghĩa về mặt chính trị, xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn làng đặc biệt khó khăn, góp phần thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao năng lực phát triển cộng đồng, tăng cường nguồn vốn cho vay tạo việc làm và giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo trong 5 năm qua đã giảm rõ rệt. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 5,38% với 19.958 hộ nghèo, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 17.178 hộ, tỷ lệ 86,07% tổng số hộ nghèo¹.

* Những hạn chế, khó khăn

- Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhưng đến nay, kinh tế vùng dân tộc thiểu số vẫn là vùng chậm phát triển; giảm hộ nghèo chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2016-2020) còn cao và giảm chậm (năm 2016: 47.133 hộ, chiếm 85,81%, đến cuối năm 2020 còn 17.178 hộ, tỷ lệ 86,07%). Đồng bào dân tộc thiểu số sống xen kẽ và phân bố trên địa bàn vùng sâu, vùng xa; điều kiện hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu, nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số chậm phát triển, đội ngũ cán bộ, trí thức người dân tộc thiểu số còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; trình độ, kỹ năng chưa đủ sức giải quyết những vấn đề nảy sinh ở cơ sở.

- Nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS, các huyện nghèo có thời điểm vừa thấp, vừa dàn trải; chưa chú trọng phối hợp, lồng ghép các chương trình, các chính sách giảm nghèo. Các cơ chế thu hút đầu tư vào các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu vùng xa phát huy hiệu quả chưa cao. Các giải pháp, cơ chế thu hút nguồn lực đầu tư cho giảm nghèo còn ít.

- Đa số hộ nghèo là người DTTS, có trình độ nhận thức thấp, chưa biết cách tổ chức, sắp xếp cuộc sống, không có sự tích lũy về vốn; chưa mạnh dạn tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước về giảm nghèo; một bộ phận người nghèo có tâm lý lười lao động, ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, thiếu ý thức tự vươn lên thoát nghèo.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc còn nhiều yếu kém và hiện mới chỉ phục vụ nhu cầu dân sinh thiết yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế

¹ Năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 19,71% với 64.087 hộ nghèo, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số 53.573 hộ, tỷ lệ 83,59% tổng số hộ nghèo.

thị trường; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của vùng.

- Hệ thống chính sách ban hành chưa đồng bộ, cơ chế thực thi chính sách còn yếu và thiếu sự phối hợp; chính sách chưa phù hợp với đặc điểm của vùng và người dân tộc thiểu số.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ vị trí tầm quan trọng về công tác dân tộc trong tình hình mới, phương thức công tác dân tộc một số địa phương, cơ sở chậm đổi mới, công tác nắm tình hình các lĩnh vực đời sống xã hội vùng dân tộc một số địa phương còn xem nhẹ, công tác truyền thông còn nhiều hạn chế,....

3. Kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Chương trình MTQG Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025).

- Đề nghị các bộ, ngành trung ương tham mưu Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021 và kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc tham mưu Chính phủ bổ sung nguồn lực để thực hiện Đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”. Tỉnh Gia Lai đã phê duyệt 02 dự án với tổng mức đầu tư gần 45 tỷ đồng.

Trên đây là nội dung báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- lãnh đạo sở;
- Webside của sở;
- Lưu VT, KGVX.

**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đình Hữu Hoà